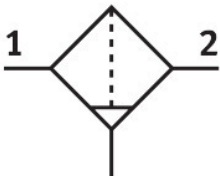


**Bộ lọc tinh**  
**LFMB-1/8-D-MINI**  
 Số bộ phận: 162626

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                         |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Dòng                                                       | D                                               |
| Kích thước                                                 | Mini                                            |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Bộ lọc sợi                                      |
| Độ mịn bộ lọc                                              | 1 µm                                            |
| Cổng xả nước ngưng tụ                                      | xoay thủ công                                   |
| Áp suất vận hành                                           | 1 bar...16 bar                                  |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [6:8:4]<br>Khí trơ |
| Cấp độ sạch không khí tại đầu ra                           | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [5:7:3]<br>Khí trơ |
| Lưu lượng tối đa bình thường cho cấp độ sạch của không khí | 500 l/ph                                        |
| Lưu lượng thông thường tối thiểu cho cấp độ sạch không khí | 150 l/ph                                        |
| Hiệu quả lọc                                               | 99.99 %                                         |
| Lượng nước ngưng tụ tối đa                                 | 22 cm <sup>3</sup>                              |
| Bảo vệ vỏ                                                  | Giỏ bảo vệ kim loại                             |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                          |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                               |
| Nhiệt độ trung bình                                        | 1.5 °C...60 °C                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                  |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -10 °C...60 °C                                  |
| Hàm lượng dầu dư                                           | 0.5 mg/m <sup>3</sup>                           |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý:     |
| Vị trí lắp đặt                                             | dọc +/- 5°                                      |
| Cổng nối khí nén 1                                         | G1/8                                            |
| Cổng nối khí nén 2                                         | G1/8                                            |
| Vật liệu vỏ                                                | Kém đúc áp lực<br>PC                            |
| Vật liệu bộ lọc                                            | Sợi borosilicat                                 |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                   |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 250 g                                           |